

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
T PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26 và 30/11/2021
về “*tranh chấp ly hôn và chia
tài sản chung của vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - T PHỐ HÀ NỘI

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Bích Vân

2. Ông Nguyễn Văn Lương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội tham
gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 và 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng
Mai, T phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 864/2020 TLST -
HNGĐ ngày 11/11/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh T.T.Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: Phòng 1116,
nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng
Mai, T phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị N.T.T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Ông C.Đ – Luật sư Văn phòng Luật sư C.Đ – Đoàn luật sư T phố Hà Nội. Có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và PT nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hà T

Địa chỉ: Số 75, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, T phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn Hiếu, chức vụ: Cán bộ Phòng khách hàng hộ sản xuất và cá nhân. Có mặt.

4. Người làm chứng: Bà Trịnh Thị S, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh T.T.Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị N.T.T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã V.V, huyện Chương Mỹ, T phố Hà Nội ngày 20/01/2014. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không hòa đồng, không tìm được tiếng nói chung; đỉnh điểm là anh bắt được chị T vào nhà nghỉ với một anh làm cùng cơ quan (tháng 10/2016). Do chị T xin và gia đình nhà chị T gồm bố đẻ và dì ruột ra xin anh và vì con gái ít tuổi nên anh gác lại chuyện ly hôn đến khi con đủ lớn sẽ ly hôn. Đến nay cháu Trịnh Bảo An đã 06 tuổi nên anh quyết định ly hôn. Hiện nay, anh đang giữ clip ghi lại đoạn anh bắt được quả tang chị T và bạn trai vào nhà nghỉ và 01 văn bản xác nhận và cam kết giữa anh, chị T và bố đẻ chị T ký, với mục đích là chị T không tái phạm nữa (đương sự chỉ trình bày chứ chưa cung cấp tài liệu tại tòa án). Sau lần đó, vợ chồng anh

sống ly thân, mỗi người một phòng, đồ dùng của ai thì người ấy sử dụng, không dùng chung. Tuy nhiên, vì con nhỏ nên có thì thoả anh chị vẫn phải ngủ chung một phòng, mục đích để con thấy bố mẹ vẫn bình thường.

Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn, cuộc sống chung căng thẳng, nhiều lúc không muốn về nhà, thời gian gần đây không ăn cơm nhà. Anh thấy cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Vì vậy, anh quyết tâm yêu cầu Tòa án cho anh ly hôn chị N.T.T càng sớm càng tốt, để cả hai cùng giải tỏa và ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung, tên là Trịnh Bảo An, sinh ngày 07/11/2014. Những lần hòa giải tại Tòa anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa được Hội đồng xét xử hòa giải anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng và mỗi tháng anh cấp dưỡng 3.000.000đ cùng chị T nuôi con.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung:

(1) Anh và chị T có 01 căn hộ, địa chỉ: Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, phường H.L, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Đây là tài sản hình T trong hôn nhân, mua vào tháng 11/2014. Nguồn gốc nhà này do anh được mua theo tiêu chuẩn nhà xã hội. Tiền mua nhà chủ yếu do anh đóng góp từ khoản tiền bán nhà có trước khi kết hôn với chị T, (căn hộ phòng 10, tầng 24, nhà CT10B, đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, T phố Hà Nội). Chị T chỉ có một phần nhỏ góp cùng để mua căn hộ hiện tại. Nhà này được mua theo “Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội” số: 080/HĐMB-HUD-CT4-A1, ngày 20/11/2014. Theo biên bản định giá tài sản của Tòa án ngày 12/10/2021 thì căn hộ có trị giá là 832.140.000đ ($61,64m^2 \times 13.500.000đ/m^2 = 832.140.000đ$). Căn hộ này đang thế chấp tại ngân hàng Agribank chi nhánh Hà T. Khi ly hôn, anh yêu cầu được lấy lại nhà và trả phần chênh lệch cho chị T. Đối với phần nợ ngân hàng, nếu anh được giao nhà sau ly hôn anh sẽ tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, anh yêu cầu chia cho anh phần trị giá ngôi nhà lớn hơn vì anh có công sức tạo lập nhiều

hơn. Ngoài ra, hàng tháng anh có thu nhập cao hơn chị T và anh là người thường xuyên trả nợ ngân hàng mỗi khi đến kỳ thanh toán.

(2) Anh và chị T còn có 01 xe ô tô cũ loại Toyota Vios biển kiểm soát 30E-377.02 là tài sản chung nhưng đã bán vào khoảng tháng 04 năm 2018 được 300.000.000đ. Khoản tiền bán xe này, hiện anh đang giữ, khi ly hôn, anh đồng ý chia trả chị T 1/2 là 150.000.000đ.

Ngoài 02 khối tài sản chung trên, anh và chị T không còn tài sản chung nào khác.

Tại bản tự khai và văn bản tố tụng khác bị đơn chị N.T.T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với anh Đ về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn và kết hôn là tự nguyện như anh Đ đã trình bày. Song, anh Đ nói chị có quan hệ ngoài luồng là chưa đúng. Việc này là do có người đàn ông khác quan tâm đến chị, xuất phát từ 01 phía người đàn ông kia, thực tế chị không có tình cảm gì với người đó, anh Đ đã hiểu lầm chị. Sau sự việc này chị đã xin lỗi, trình bày rõ với anh Đ và từ đó đến nay chị và anh Đ vẫn sống chung bình thường trong một nhà. Vợ chồng vẫn sống chung, ăn ngủ chung.

Khi anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, lúc đầu chị không đồng ý, vì: chị còn tình cảm với anh Đ và con chung còn nhỏ, chị mong muốn có một gia đình cho hạnh phúc trọn vẹn. Tuy nhiên, sau nhiều lần hòa giải tại Tòa, cụ thể đến lần thứ 5 anh Đ vẫn cương quyết ly hôn chị nên chị chấp nhận thuận tình ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đ cùng xác nhận có 01 con chung là Trịnh Bảo An, sinh ngày 07/11/2014. Quá trình giải quyết vụ án chị luôn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ mỗi tháng.

Về chia tài sản chung: Trong những lần hòa giải, chị T thừa nhận anh chị có: 01 căn hộ, địa chỉ: Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, phường H.L, quận Hoàng Mai, Hà Nội; có 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 30E-377.02 và 01 Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đứng tên anh Đ. Song lần hòa giải thứ 5, chị T đã rút yêu cầu đòi chia trị giá Hợp

đồng bảo hiểm nhân thọ. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao căn hộ trên cho chị sử dụng, định đoạt và chị trả cho anh Đ tiền chênh lệch theo tỷ lệ 50/50 (mỗi người được hưởng trị giá 1/2 của căn hộ theo kết quả định giá). Chị không đồng ý chia cho anh Đ phần nhiều. Chị cho rằng, đây là tài sản hình T trong hôn nhân, là tài sản chung; khi ly hôn, chị yêu cầu được lấy lại nhà để ổn định chỗ ở cho 02 mẹ con, không xáo trộn chuyện học hành. Chị thừa nhận căn hộ mua theo diện “nhà ở xã hội”, đang thế chấp tại ngân hàng Agribank chi nhánh Hà T. Nếu chị được giao sử dụng căn hộ, chị đồng ý tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng.

Đối với yêu cầu chia “Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ” đứng tên anh Đ, tại buổi hòa giải cuối cùng chị khẳng định rút toàn bộ yêu cầu này.

Tại phiên tòa:

Phân hòa giải tại phiên tòa, anh chị đã thỏa thuận và thống nhất là: anh Đ đã đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trịnh Bảo An, sinh ngày 07/11/2014 và mỗi tháng anh Đ cấp dưỡng 3.000.000đ cho cháu An để cùng chị T nuôi con chung, kể từ khi ly hôn. Tất cả các thỏa thuận đã thống nhất như: thuận tình ly hôn, chia tài sản chung là xe ô tô tại lần hòa giải cuối cùng anh chị không thay đổi.

[1] Nguyên đơn anh T.T.Đ trình bày: Đối với chia tài sản chung là căn hộ tại Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, phường H.L, quận Hoàng Mai, Hà Nội, anh yêu cầu giao căn hộ này cho anh và anh chấp nhận trả chị T phần chênh lệch nhưng theo tỷ lệ anh hưởng phần cao hơn. Anh cho rằng: tiêu chuẩn mua nhà ở xã hội do anh mà có; tiền góp mua nhà phần lớn của anh có trước khi kết hôn; anh có công việc tốt hơn, thu nhập cao hơn chị T; hàng tháng anh là người trả lãi và gốc cho ngân hàng...

[2] Luật sư C.Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị N.T.T trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của anh Đ, vì: điều kiện cần và đủ để mua nhà ở xã hội là khi anh Đ đã kết hôn với chị T, nếu không kết hôn với chị T thì anh Đ cũng không mua được nhà này; đề nghị hội đồng xét xử giao nhà cho chị T toàn quyền sử dụng, định đoạt và chị T trả cho anh Đ phần chênh lệch theo tỷ

lệ mỗi người hưởng tỷ lệ 50% (1/2) trị giá căn hộ; chị T sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình với ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đang còn hiệu lực. Chị T là phụ nữ và trực tiếp nuôi con nhỏ, cần chỗ ở ổn định, tạo điều kiện tốt nhất để cháu An học tập; ngoài ra khi anh chị mâu thuẫn, chính anh Đ đã ra ngoài ở chỗ khác, chứng tỏ anh Đ đã tạo dựng được chỗ ở mới.

Bị đơn chị N.T.T đồng ý với quan điểm của luật sư.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hà T, ông Đỗ Văn Hiếu trình bày: đến ngày 25/11/2021, anh T.T.Đ và chị N.T.T còn phải trả nợ chúng tôi 223.927.500đ theo Hợp đồng tín dụng số 1303LAV201500124 ngày 29/01/2015. Nay anh chị ly hôn, chúng tôi yêu cầu Tòa án giao căn hộ chung cư tại Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội cho bên nào có điều kiện và khả năng tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng tốt nhất để quản lý và sử dụng. Ngoài ra, ông Hiếu không còn yêu cầu nào khác.

[4] Người làm chứng bà Trịnh Thị S trình bày: việc anh Đ bán nhà có trước khi kết hôn với chị T (căn hộ phòng 10, tầng 24, nhà CT10B, đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, T phố Hà Nội) là đúng sự thật. Bà cam kết lời khai của mình là trung thực và giữ nguyên lời khai đã cung cấp cho Tòa án.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội thụ lý Đơn ly hôn của anh T.T.Đ đối với chị N.T.T là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích cơ sở pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của anh chị;
 - Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về giao con chung Trịnh Bảo An, sinh ngày 07/11/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; mỗi tháng anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật;
 - Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về chia tài sản chung là 300.000.000đ tiền bán chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 30E-377.02 theo tỷ lệ 50/50% (1/2) là Đ được 150.000.000đ, chị T được 150.000.000đ. Do anh Đ đang giữ toàn bộ 300.000.000đ nên anh Đ phải trả chị T 150.000.000đ.
 - Đề nghị giao căn hộ chung cư tại Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội cho anh Đ toàn quyền quản lý sử dụng; anh Đ phải thanh toán trả chị T phần tiền chênh lệch do được sử dụng toàn bộ căn hộ; buộc anh Đ phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng với ngân hàng Agribank; tuyên chị T cùng con chung được lưu cư tại căn hộ Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội theo Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình năm 1014.
 - Đình chỉ yêu cầu chia Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đứng tên anh T.T.Đ, do chị T rút toàn bộ yêu cầu.
 - Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.
- Đề nghị Hội đồng xét xử bác các yêu cầu khác của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T.T.Đ có Đơn ly hôn đối với chị N.T.T, nơi cư trú tại Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đơn đều có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đúng.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T.T.Đ và chị N.T.T kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã V.V, huyện Chương Mỹ, T phố Hà Nội vào ngày 20/01/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc nhưng khoảng tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không hòa đồng, không tìm được tiếng nói chung; anh chị nghi ngờ nhau ngoại tình, thiếu sự tin tưởng và tôn trọng nhau. Anh Đ đã gửi đơn yêu cầu Tòa án cho ly hôn chị T với lý do mâu thuẫn trầm trọng, sống chung không có hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với chị T. Sau nhiều lần hòa giải đoàn tụ không T thì chị T đã đồng ý thuận tình ly hôn với anh Đ. Đây là thỏa thuận tự nguyện của anh chị, không trái pháp luật và đạo đức nên cần được chấp nhận cho thuận tình ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh T.T.Đ và chị N.T.T cùng xác nhận có 01 con chung là Trịnh Bảo An, sinh ngày 07/11/2014. Quá trình giải quyết vụ án cả hai anh chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không thỏa thuận. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh thỏa thuận và thống nhất giao con chung cho chị N.T.T trực tiếp nuôi dưỡng, mỗi tháng anh T.T.Đ cấp dưỡng 3.000.000đ để cùng chị N.T.T nuôi con. Thỏa thuận này của anh chị là tự

nguyện, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; không trái pháp luật và đạo đức nên cần được chấp nhận.

Về chia tài sản chung:

Thứ nhất: Đối với “*tranh chấp hợp đồng bảo hiểm nhân thọ Prudential đứng tên anh T.T.Đ*”. Tại Biên bản hòa giải lần cuối và tại phiên tòa chị T tiếp tục khẳng định rút toàn bộ yêu cầu này. Anh Đ không có yêu cầu phản tố về nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải đình chỉ giải quyết.

Thứ hai: Đối với xe ô tô hiệu Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 30E-377.02 anh Đ đã bán được có 300.000.000đ. Anh chị cùng xác nhận là tài sản chung, tiền bán xe hiện anh Đ đang giữ tất cả. Tại phiên tòa, anh chị thỏa thuận và thống nhất chia mỗi người được hưởng 50% số tiền này, tương đương 150.000.000đ, anh Đ đồng ý trả chị T ngay khi Bản án này có hiệu lực pháp luật. Thỏa thuận này của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức nên được chấp nhận.

Thứ ba: Đối với căn hộ tại Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội. Tổng trị giá căn hộ theo Biên bản định giá tài sản ngày 12/10/2021 là: $64,1m^2 \times 13.500.000đ/m^2 = 832.140.000đ$. Nhà này đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hà T, theo Hợp đồng tín dụng số 1303LAV201500124 ngày 29/01/2015. Tính đến ngày 25/11/2021, anh chị còn nợ ngân hàng 223.927.500đ. Hội đồng xét xử nhận định đây là tài sản hình T trong thời kỳ hôn nhân nên xác nhận là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, khi chia căn cứ vào Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để phân chia cho phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy nguồn gốc nhà do anh chị mua theo Hợp đồng nhà ở xã hội. Tiêu chuẩn được mua nhà ở xã hội là của anh Đ; tiền mua nhà phần lớn do anh Đ đóng góp từ tiền bán căn hộ phòng 10, tầng 24, nhà CT10B, đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, T phố Hà Nội có trước khi kết hôn với chị T. Ngoài ra, anh Đ có công việc ổn định và thu nhập cao hơn; hàng tháng anh Đ là người chủ yếu trả nợ ngân hàng. Nên có căn cứ chia

cho anh Đ phần nhiều hơn vì có công sức đóng góp, tạo lập lớn hơn chị T. Mặt khác, từ năm học 2021 - 2022 chị T đã chuyển cho cháu Trịnh Bảo An về học tại Trường tiểu học V.V, huyện Chương Mỹ, T phố Hà Nội để gần ông bà ngoại và tiện chăm sóc. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét giao cho anh Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng căn hộ này nhưng phải thanh toán cho chị T phần chênh lệch do được hưởng phần tài sản bằng hiện vật là phù hợp; buộc anh Đ phải tiếp tục trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hà T số tiền còn nợ là 223.927.500đ theo Hợp đồng tín dụng số 1303LAV201500124 ngày 29/01/2015. Khi nào anh Đ thanh lý Hợp đồng tín dụng số 1303LAV201500124 ngày 29/01/2015, thì anh Đ một mình được sở hữu toàn bộ căn hộ này. Song, Hội đồng xét xử xét cần đảm bảo quyền lưu cư cho chị T và cháu Trịnh Bảo An theo Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử nhận định anh chị phải chịu án phí như sau: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với các yêu cầu của mình theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể, về thỏa thuận chia tài sản chung của anh chị tại phiên tòa đối với 300.000.000đ tiền bán xe ô tô. Thỏa thuận này thì mỗi người phải nộp 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. *Diễn giải: (300.000.000đ x 5% = 15.000.000đ: 2 = 7.500.000đ/người)*. Về chia tài sản chung căn hộ tại Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội thì anh chị phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà mình được hưởng.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 29, 55, 59, 60, 63, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T.T.Đ và chị N.T.T.

2. Về nuôi con chung: Xác nhận anh T.T.Đ và chị N.T.T có 01 con chung là Trịnh Bảo An, sinh ngày 07/11/2014. Công nhận sự thỏa thuận của anh T.T.Đ và chị N.T.T là giao con chung cho chị N.T.T trực tiếp nuôi dưỡng, mỗi tháng anh T.T.Đ cấp dưỡng 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) để cùng chị N.T.T nuôi con, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh T.T.Đ có quyền, nghĩa vụ thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở; có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết “*tranh chấp hợp đồng bảo hiểm nhân thọ Prudential đứng tên anh T.T.Đ*”.

3.2. Xác nhận anh T.T.Đ và chị N.T.T có 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) do bán 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 30E-377.02. Toàn bộ số tiền này anh T.T.Đ đang giữ. Ghi nhận anh chị thỏa thuận

mỗi người được hưởng 50% số tiền này. Anh Trịnh Trọng Đ được hưởng 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*), chị Nguyễn Thị T được hưởng 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Anh T.T.Đ đang giữ cả 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*), buộc anh T.T.Đ phải trả chị N.T.T số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) ngay khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

3.3. Xác nhận anh T.T.Đ và N.T.T có nhà ở chung là 01 căn hộ chung cư tại Phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội. Tổng trị giá căn hộ: $64,1m^2 \times 13.500.000đ/m^2 = 832.140.000đ$ (*tám trăm ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*). Nhà này đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh Hà T, theo Hợp đồng tín dụng số 1303LAV201500124 ngày 29/01/2015. Tính đến ngày 25/11/2021, anh chị còn nợ ngân hàng 223.927.500đ (*hai trăm hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Chia tài sản chung:

3.3.1. Chia giao toàn bộ căn hộ tại phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội cho anh T.T.Đ. Anh T.T.Đ được một mình quản lý, sử dụng. Khi nào anh T.T.Đ thanh lý Hợp đồng tín dụng số 1303LAV201500124 ngày 29/01/2015 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam– chi nhánh Hà T, thì anh T.T.Đ một mình được sở hữu toàn bộ căn hộ.

Chị N.T.T và con chung là Trịnh Bảo An sinh ngày 07/11/2014 được quyền lưu cư ở căn hộ phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

Trị giá căn hộ tại phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội, sau khi trừ nghĩa vụ trả nợ 223.927.500đ (*hai trăm hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hà T, còn lại 608.212.500đ (*sáu trăm linh tám triệu hai trăm hai*

mười một nghìn năm trăm đồng). Chia cho anh T.T.Đ được 70% căn hộ tương đương bằng tiền là 425.748.750đ (*bốn trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Chia cho chị N.T.T 30% căn hộ tương đương bằng tiền là 182.463.750đ (*một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Buộc anh T.T.Đ phải trả cho chị N.T.T số tiền trị giá tài sản bằng hiện vật chênh lệch là 182.463.750đ (*một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) do được giao toàn bộ căn hộ tại phòng 1116, nhà CT4A1 khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, tổ 41, phường H.L, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội .

3.3.2. Buộc anh T.T.Đ phải tiếp tục trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hà T số tiền còn nợ là 223.927.500đ (*hai trăm hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 1303LAV201500124 ngày 29/01/2015.

“Trường hợp Bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự” (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc anh T.T.Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí về hôn nhân và gia đình và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0006165 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội. Anh T.T.Đ phải nộp tiếp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con còn thiếu là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

5.2. Buộc anh T.T.Đ phải chịu 21.729.950đ (*hai mươi một triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự có giá gạch; chị

N.T.T phải chịu 13.598.555đ (*mười ba triệu năm trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự có giá gạch.

6. Về quyền kháng cáo: Anh T.T.Đ và chị N.T.T được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần quyết định của Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND T phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Chi cục THA dân sự quận Hoàng Mai;
- UBND xã V.V, huyện Chương Mỹ, Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch số 04/2014, quyển 01 ngày 20/01/2014);
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiếu

